ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 32 /2014/QĐ-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 6 năm 2014*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI
CV ĐẾN Số: 3844
Ngày 26/6/14
Chuyển:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản ngày 19/6/2009 ;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng và Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 08/2011/QĐ-UBND ngày 29/4/2011 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành và tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận :
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Mặt trận và các hội đoàn thể tỉnh;
- Cơ quan TW trên địa bàn tỉnh;
- Báo Quảng Ngãi;
- Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh;
- VPUB : C,PVP(CN), các phòng N/c, CB;
- Lưu: VT.CNXD.tls.200

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Quang Thích

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 32 /2014/QĐ-UBND ngày 25/6/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trong công tác khảo sát, thiết kế, thi công và nghiệm thu công trình xây dựng; quản lý an toàn lao động, giải quyết sự cố trong thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình xây dựng; quy định về bảo hành công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Quy định về thẩm tra, thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng công trình được thực hiện theo quy định khác của UBND tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các sở, ban ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (viết tắt là UBND cấp huyện), Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (viết tắt là UBND cấp xã); chủ đầu tư, các nhà thầu trong nước và nước ngoài, các tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Điều 3. Phạm vi, trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng cho các Sở, ban ngành, UBND cấp huyện

1. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công trình dân dụng (quy định tại Mục I), công trình sản xuất vật liệu xây dựng (quy định tại Điểm 1 Mục II) và công trình hạ tầng kỹ thuật (quy định tại Mục III) của Phụ lục Phân loại công trình xây dựng, ban hành kèm theo Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng (sau đây viết tắt là Nghị định số 15/2013/NĐ-CP).

2. Sở Công Thương chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công trình hầm mỏ, dầu khí, nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp và các công trình công nghiệp chuyên ngành (trừ công trình sản xuất vật liệu xây dựng). Các công trình công nghiệp chuyên ngành quy định tại Mục II Phụ lục Phân loại công trình xây dựng, ban hành kèm theo Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

3. Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công trình giao thông quy định tại Mục IV Phụ lục Phân loại công trình xây dựng, ban hành kèm theo Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định tại Mục V Phụ lục Phân loại công trình xây dựng, ban hành kèm theo Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

5. Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi và Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất chịu trách nhiệm quản lý chất lượng các công trình thuộc Khu công nghiệp và Khu Kinh tế Dung Quất. Ngoài quy định chung, Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất còn phải thực hiện theo quy định tại Khoản 9 Điều 25 Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng (sau đây viết tắt là Thông tư số 10/2013/TT-BXD).

6. UBND cấp huyện chịu trách nhiệm quản lý chất lượng các công trình xây dựng gồm: các công trình do UBND cấp huyện cấp giấy phép xây dựng; các công trình nhà ở riêng lẻ của hộ gia đình, cá nhân; các công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước do UBND cấp huyện quyết định đầu tư hoặc được UBND tỉnh ủy quyền quyết định đầu tư và các dự án do UBND cấp xã quyết định đầu tư theo quy định của UBND tỉnh.

Điều 4. Thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng

1. Sở Xây dựng kiểm tra các công trình quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm e Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP (trừ các công trình quy định tại Khoản 1 Điều 25 Thông tư số 10/2013/TT-BXD), bao gồm:

a) Đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước do cơ quan trung ương quyết định đầu tư (hoặc ủy quyền quyết định đầu tư) hoặc do UBND tỉnh quyết định đầu tư, bao gồm: Nhà chung cư cấp II, cấp III; công trình công cộng cấp II, cấp III; công trình hạ tầng kỹ thuật cấp II, cấp III và các công trình xử lý chất thải rắn độc hại không phân biệt cấp;

b) Đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước do UBND cấp huyện quyết định đầu tư (hoặc ủy quyền quyết định đầu tư), bao gồm: Nhà chung cư cấp II; công trình công cộng cấp II; công trình hạ tầng kỹ thuật cấp II, và các công trình xử lý chất thải rắn độc hại không phân biệt cấp;

c) Đối với các công trình sử dụng vốn khác, bao gồm: Nhà chung cư cấp II; công trình công cộng cấp II; công trình sản xuất vật liệu xây dựng cấp II; công trình hạ tầng kỹ thuật cấp II và các công trình xử lý chất thải rắn độc hại không phân biệt cấp.

2. Sở Công Thương kiểm tra công trình quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 21 và Điểm d Khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP (trừ các

công trình quy định tại Khoản 2 Điều 25 Thông tư số 10/2013/TT-BXD), bao gồm:

a) Đối với công trình sử dụng vốn ngân sách và vốn khác ngoài ngân sách, bao gồm: công trình cấp II, cấp III thuộc loại công trình đường dây tải điện, trạm biến áp, nhà máy thủy điện, nhà máy nhiệt điện, nhà máy luyện kim, nhà máy sản xuất Alumin, các công trình công nghiệp chuyên ngành (trừ các công trình sản xuất vật liệu xây dựng); các công trình có yêu cầu bắt buộc phải kiểm tra công tác nghiệm thu không phân biệt cấp công trình: công trình nhà máy lọc hóa dầu, chế biến khí, các công trình nhà kho và tuyến đường ống dẫn xăng, dầu, khí hóa lỏng, nhà máy sản xuất và kho chứa hóa chất nguy hiểm, nhà máy sản xuất và kho chứa vật liệu nổ công nghiệp;

b) Các công trình thuộc Khu công nghiệp (công trình cấp II), trừ các công trình quy định tại Khoản 5 và Khoản 6 Điều này.

3. Sở Giao thông vận tải kiểm tra các công trình giao thông quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP (trừ các công trình quy định tại Khoản 3 Điều 25 Thông tư số 10/2013/TT-BXD), bao gồm:

a) Đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước do UBND tỉnh quyết định đầu tư, hoặc ủy quyền quyết định đầu tư, bao gồm: công trình cầu, hầm, đường bộ (cấp II, cấp III); công trình đường sắt, công trình đường thủy, hệ thống cáp treo vận chuyển người không phân biệt cấp;

b) Đối với các công trình sử dụng vốn khác, bao gồm: Công trình cầu, hầm, đường bộ (cấp II); công trình đường sắt, công trình đường thủy, hệ thống cáp treo vận chuyển người không phân biệt cấp.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra các công trình quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP (trừ các công trình quy định tại Khoản 4 Điều 25 Thông tư số 10/2013/TT-BXD), bao gồm các công trình sử dụng vốn ngân sách và vốn khác ngoài ngân sách (có tổng mức đầu tư từ 7 tỷ đồng trở lên): hồ chứa nước, đập ngăn nước, tràn xả lũ, cống lấy nước, cống xả nước, kênh, đường ống kín dẫn nước, đường hầm thủy công, đê, kè, trạm bơm và công trình thủy lợi khác (cấp II, cấp III, cấp IV).

5. Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất kiểm tra các công trình thuộc Khu kinh tế Dung Quất quy định tại Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP (trừ các công trình quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 25 Thông tư số 10/2013/TT-BXD).

6. Ban Quản lý các Khu công nghiệp kiểm tra các công trình thuộc Khu công nghiệp, bao gồm: Các công trình đầu tư xây dựng trong các Khu công nghiệp (công trình cấp III, công trình cấp IV thuộc loại công trình có yêu cầu bắt buộc phải kiểm tra công tác nghiệm thu không phân biệt cấp công trình theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP).

7. UBND cấp huyện chịu trách nhiệm kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng (trừ các công trình quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều này) bao gồm:

a) Các công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình do UBND cấp huyện quyết định đầu tư hoặc được UBND tỉnh ủy quyền quyết định đầu tư và các dự án do UBND cấp xã quyết định đầu tư (đối với công trình cấp III, cấp IV);

b) Công trình sử dụng vốn khác, bao gồm: Công trình nhà ở riêng lẻ từ 7 tầng trở lên, nhà chung cư cấp III, công trình công cộng cấp III quy định tại Mục I Phụ lục Phân loại công trình xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

8. Cấp công trình nêu tại các Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 Điều này được quy định tại Phụ lục 1 về Phân cấp các loại công trình xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

9. Các cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 3 Quy định này thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu chuyển bước giai đoạn thi công, kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 10/2013/TT-BXD. Đối với một số công trình do đặc điểm tổ chức thi công theo tuyến công trình, khó xác định được các giai đoạn chuyển bước thi công và các công trình có quy mô nhỏ, kết cấu đơn giản thì không phải kiểm tra công tác nghiệm thu chuyển giai đoạn mà chỉ thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành đưa công trình vào sử dụng.

10. Đối với các công trình không phải kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng (các công trình không thuộc diện quy định nêu tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 Điều này) thì chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng để đưa vào sử dụng theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

11. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng công trình gồm nhiều công trình có loại và cấp khác nhau thì cơ quan quản lý nhà nước có nhiệm vụ thực hiện kiểm tra công trình chính của dự án, có trách nhiệm tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu cho toàn bộ công trình theo các quy định tại Điều này và mời các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng chuyên ngành có liên quan tham gia trong quá trình kiểm tra. Các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng chuyên ngành được mời phối hợp kiểm tra chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra do mình thực hiện.

Chương II

NHIỆM VỤ CỦA CÁC SỞ, NGÀNH LIÊN QUAN TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 5. Sở Xây dựng

Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, có trách nhiệm:

1. Trình UBND tỉnh ban hành các văn bản để triển khai, thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

2. Hướng dẫn UBND cấp huyện, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, các tổ chức và cá nhân tham gia xây dựng công trình thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng của Nhà nước và của tỉnh Quảng Ngãi.

3. Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 của Quy định này. Lập kế hoạch kiểm tra thường xuyên, định kỳ công tác quản lý chất lượng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình và chất lượng các công trình xây dựng trên địa bàn. Kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng và chất lượng công trình khi phát hiện dấu hiệu vi phạm về chất lượng hoặc theo yêu cầu của cơ quan cấp trên.

4. Phối hợp với Bộ Xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I trên địa bàn; Phối hợp với Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành; Tham gia Hội đồng nghiệm thu nhà nước đối với công trình xây dựng trên địa bàn khi có yêu cầu.

5. Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với công trình chuyên ngành do Sở quản lý theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Quy định này. Kế hoạch, nội dung kiểm tra; kết quả kiểm tra thực hiện theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 10/2013/TT-BXD. Biên bản kiểm tra công tác nghiệm thu chuyển giai đoạn thi công theo mẫu tại Phụ lục 1 và kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Quy định này.

6. Phối hợp với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định tại Khoản 11 Điều 4 Quy định này và tham gia kiểm tra lần cuối công tác nghiệm thu theo quy định tại Điểm c Khoản 7 Điều 25 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

7. Chủ trì tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng và tổ chức giám định nguyên nhân sự cố (đối với công trình chuyên ngành do Sở quản lý theo quy định tại Điều 25 Quy định này); theo dõi, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh về tình hình sự cố trên địa bàn; hướng dẫn giải quyết tranh chấp về chất lượng

đối với các công trình xây dựng chuyên ngành do Sở quản lý theo phân cấp quy định tại Khoản 1 Điều 3 Quy định này.

8. Chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, xử lý và kiến nghị xử lý các vi phạm về quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP. Trường hợp phát hiện chất lượng công trình không đảm bảo yêu cầu, có nguy cơ gây sập đổ công trình hoặc biện pháp thi công không đảm bảo an toàn thì được quyền tạm dừng thi công và chỉ cho phép thi công sau khi chủ đầu tư và các nhà thầu khắc phục các tồn tại, đảm bảo an toàn. Việc tạm dừng thi công thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 34 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

9. Công bố trên cổng thông tin điện tử thành phần của Sở:

a) Thông tin năng lực của các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng công trình trên địa bàn theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP;

b) Công bố tên và hành vi vi phạm của các tổ chức theo quy định tại Khoản 1 Điều 46 của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

10. Báo cáo UBND tỉnh định kỳ hàng năm trước ngày 10 tháng 12 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn;

11. Giúp UBND tỉnh tổng hợp và báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn định kỳ hàng năm (trước ngày 15 tháng 12) và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu; báo cáo danh sách các nhà thầu vi phạm quy định về quản lý chất lượng công trình khi tham gia các hoạt động xây dựng trên địa bàn.

Điều 6. Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành: Giao thông vận tải, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Công Thương

1. Lập kế hoạch kiểm tra thường xuyên, định kỳ công tác quản lý chất lượng của tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình chuyên ngành và chất lượng các công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn; Kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng và chất lượng công trình khi phát hiện dấu hiệu vi phạm về chất lượng hoặc theo yêu cầu của cơ quan cấp trên;

2. Phối hợp với Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I trên địa bàn; Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn; tham gia Hội đồng nghiệm thu nhà nước đối với công trình xây dựng trên địa bàn khi có yêu cầu.

3. Xây dựng và thực hiện kiểm tra chất lượng công trình xây dựng với kế hoạch, nội dung kiểm tra, kết quả kiểm tra theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 10/2013/TT-BXD. Biên bản kiểm tra công tác nghiệm thu chuyển giai đoạn

thi công theo mẫu tại Phụ lục 1 và kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Quy định này.

4. Phối hợp với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành khác có liên quan kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định tại Khoản 11 Điều 4 Quy định này và mời Sở Xây dựng tham gia kiểm tra lần cuối công tác nghiệm thu theo quy định tại Điểm c Khoản 7 Điều 25 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

5. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành và tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Điều 25 Quy định này; hướng dẫn giải quyết tranh chấp về chất lượng đối với các công trình xây dựng chuyên ngành do Sở quản lý theo phân cấp quy định tại các Khoản 2, 3, 4, 5 Điều 3 Quy định này.

6. Xử lý và kiến nghị xử lý các vi phạm về quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP. Trường hợp phát hiện chất lượng công trình không đảm bảo yêu cầu, có nguy cơ gây sập đổ công trình hoặc biện pháp thi công không đảm bảo an toàn thì được quyền tạm dừng thi công và chỉ cho phép thi công sau khi chủ đầu tư và các nhà thầu khắc phục các tồn tại, đảm bảo an toàn. Việc tạm dừng thi công thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Thông tư số 10/2013/TT-BXD;

7. Tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Sở Xây dựng định kỳ hàng năm trước ngày 30 tháng 11 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn.

8. Kiện toàn, tổ chức bộ phận chuyên môn có đủ năng lực để giúp Giám đốc Sở thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành.

Điều 7. Trách nhiệm của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi và Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất

1. Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trong các khu công nghiệp, Khu kinh tế Dung Quất theo quy định tại Khoản 5 Điều 3 của Quy định này. Lập kế hoạch kiểm tra thường xuyên, định kỳ công tác quản lý chất lượng của tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình và chất lượng các công trình xây dựng thuộc phạm vi quản lý.

2. Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với công trình thuộc quyền quản lý theo quy định tại Khoản 5, Khoản 6 Điều 4 Quy định này. Nội dung kiểm tra, Kết quả kiểm tra thực hiện theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 10/2013/TT-BXD. Biên bản kiểm tra công tác nghiệm thu chuyển giai đoạn thi công theo mẫu tại Phụ lục 1 và kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Quy định này.

3. Tổng hợp báo cáo Sở Xây dựng định kỳ hàng năm trước ngày 30 tháng 11 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình chất lượng và công tác

quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc Khu công nghiệp và Khu Kinh tế Dung Quất trên địa bàn tỉnh.

4. Kiện toàn, tổ chức bộ phận chuyên môn có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trong các Khu công nghiệp và Khu Kinh tế Dung Quất.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan cấp phát, thanh toán (Tài chính, Kho bạc)

1. Hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát, đôn đốc chủ đầu tư thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách theo quy định của Nhà nước và của UBND tỉnh.

2. Thực hiện thanh quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách khi các công trình (hoặc hạng mục công trình) được thi công và nghiệm thu theo quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng. Trong hồ sơ thanh, quyết toán vốn đầu tư phải có Kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng của cơ quan quản lý nhà nước theo mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Quy định này.

Chương III

NHIỆM VỤ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

Điều 9. UBND cấp huyện

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn huyện, thành phố quy định tại Điểm a, b, c Khoản 3 Điều 45 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

2. Báo cáo sự cố và giải quyết sự cố theo quy định tại Điều 23, Điều 24 Quy định này. Hướng dẫn giải quyết tranh chấp về chất lượng đối với các công trình xây dựng do UBND cấp huyện quản lý theo phân cấp quy định tại Khoản 6 Điều 3 Quy định này.

3. Tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Sở Xây dựng định kỳ hàng năm trước ngày 30 tháng 11 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

Điều 10. Các cơ quan chuyên môn giúp UBND cấp huyện quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng

Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Quản lý đô thị là cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND cấp huyện, chịu sự hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn của Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, có chức năng tham mưu, giúp UBND cấp huyện thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn, có trách nhiệm:

1. Tham mưu trình Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành các văn bản triển khai thực hiện công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

2. Giúp UBND cấp huyện thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng theo quy định tại Khoản 6 Điều 3 của Quy định này. Lập kế hoạch kiểm tra thường xuyên, định kỳ công tác quản lý chất lượng của tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình và chất lượng các công trình xây dựng trên địa bàn. Kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng và chất lượng công trình khi có yêu cầu hoặc khi phát hiện dấu hiệu vi phạm về chất lượng công trình xây dựng.

3. Kiến nghị xử lý các vi phạm về chất lượng công trình xây dựng, trường hợp phát hiện chất lượng công trình không đảm bảo yêu cầu, có nguy cơ gây sập đổ công trình hoặc biện pháp thi công không đảm bảo an toàn, đồng thời báo cáo UBND cấp huyện tạm dừng thi công và chỉ cho phép thi công sau khi chủ đầu tư và các nhà thầu khắc phục các tồn tại, đảm bảo an toàn; Việc tạm dừng thi công thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

4. Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình do UBND cấp huyện quản lý theo quy định tại Khoản 7 Điều 4 Quy định này. Kế hoạch, nội dung kiểm tra; kết quả kiểm tra thực hiện theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 10/2013/TT-BXD. Biên bản kiểm tra công tác nghiệm thu chuyển giai đoạn thi công theo mẫu tại Phụ lục 1 và kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Quy định này.

Riêng công trình nhà ở riêng lẻ từ 7 tầng trở lên, việc kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng thực hiện theo Quy định quản lý chất lượng xây dựng nhà ở riêng lẻ của Bộ Xây dựng.

5. Giúp UBND cấp huyện trong việc thực hiện các nhiệm vụ: lập báo cáo sự cố và giải quyết sự cố theo quy định tại Điều 23, Điều 24 Quy định này; giải quyết sự cố, tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình nhà ở riêng lẻ; giải quyết những hư hỏng công trình lân cận, liền kề do việc thi công xây dựng công trình mới gây ra; hướng dẫn giải quyết tranh chấp về chất lượng đối với các công trình xây dựng do UBND cấp huyện quản lý theo phân cấp quy định tại Khoản 6 Điều 3 Quy định này.

6. Giúp UBND cấp huyện tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành định kỳ hàng năm trước ngày 15 tháng 11 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

Điều 11. Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng cho các tổ chức và công dân trên địa bàn.

2. Tiếp nhận, xác nhận thông báo khởi công của chủ đầu tư đối với các công trình xây dựng trên địa bàn theo quy định của Điều 68 Luật Xây dựng;

kiểm tra quá trình thi công công trình theo nội dung giấy phép xây dựng, biển báo công trường, các điều kiện đảm bảo vệ sinh môi trường như: hàng rào thi công, lưới che chắn công trình, thoát nước thi công, giải pháp thu gom nước thải, phế thải xây dựng, nhà vệ sinh tạm thời, giấy phép sử dụng tạm thời hè, đường.

3. Tiếp nhận báo cáo sự cố của chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình gửi UBND cấp xã, đồng thời ngay sau khi nhận được thông tin phải báo cáo cho UBND cấp huyện và cấp tỉnh về sự cố theo quy định tại Khoản 1 Điều 25 Quy Định này.

4. Lập Hồ sơ sự cố công trình xây dựng đối với nhà ở riêng lẻ của dân thuộc phạm vi địa bàn; Trường hợp phát hiện công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ của dân hoặc các công trình lân cận, liền kề công trình đang xây dựng có dấu hiệu không đảm bảo an toàn cho người sử dụng hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố sụp đổ, phải có biện pháp tổ chức di chuyển người, tài sản ra khỏi khu vực nguy hiểm đồng thời báo cáo, đề xuất hướng xử lý với UBND cấp huyện.

5. Lập danh mục, theo dõi các công trình khởi công xây dựng trên địa bàn xã, phường, thị trấn (theo mẫu phụ lục 4 kèm theo Quy định này); định kỳ 6 tháng/1 lần báo cáo UBND cấp huyện thông qua phòng Kinh tế và Hạ tầng, phòng Quản lý đô thị để tổng hợp, theo dõi, kiểm tra.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THAM GIA HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Điều 12. Trách nhiệm của Chủ đầu tư

1. Công tác quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

Đối với các công trình thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP, sau khi khởi công chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo gửi cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng theo phân cấp tại Điều 4 Quy định này các thông tin theo mẫu tại Phụ lục 3 kèm theo Quy định này.

2. Tổ chức nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP. Việc tổ chức nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu giai đoạn chuyển bước thi công xây dựng và nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình để đưa vào sử dụng thực hiện theo các Điều 20, 21, 22 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

a) Các công trình, hạng mục công trình xây dựng quy định tại Khoản 1 Điều 21 của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP còn phải được các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 4 Quy định này;

b) Trước 10 ngày làm việc (đối với công trình cấp II, III và cấp IV) hoặc trước 20 ngày làm việc (đối với công trình cấp đặc biệt và cấp I) so với ngày chủ đầu tư dự kiến tổ chức nghiệm thu đưa công trình, hạng mục công trình vào sử dụng, chủ đầu tư phải gửi báo cáo hoàn thành hạng mục công trình hoặc hoàn thành công trình cùng danh mục hồ sơ hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 Điều 4 Quy định này;

c) Sau khi đã tổ chức nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình xây dựng hoặc công trình xây dựng để đưa vào sử dụng, chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện tổ chức bàn giao hạng mục công trình xây dựng hoặc công trình xây dựng theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

3. Công tác bảo hành và giải quyết sự cố trong thi công xây dựng

a) Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo hành công trình xây dựng theo quy định tại các Điều 20, 21 Quy định này;

b) Khi xảy ra sự cố trong thi công xây dựng, chủ đầu tư có trách nhiệm: báo cáo sự cố, tham gia giải quyết sự cố, giám định nguyên nhân sự cố, lập hồ sơ sự cố theo quy định tại các Điều 23, 24, 25, 26 của Quy định này.

Điều 13. Trách nhiệm của nhà thầu khảo sát xây dựng

Lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng khi có yêu cầu của chủ đầu tư; lập phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Thông tư số 10/2013/TT-BXD. Thực hiện khảo sát theo phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng được phê duyệt; sử dụng thiết bị, phòng thí nghiệm hợp chuẩn theo quy định của pháp luật và phù hợp với công việc khảo sát.

Ngoài việc thực hiện quy định trên, nhà thầu khảo sát xây dựng khi thực hiện nhiệm vụ lập báo cáo kết quả khảo sát xây dựng còn phải thực hiện các quy định tại Khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 14 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

Điều 14. Trách nhiệm của nhà thầu thiết kế

1. Trách nhiệm của nhà thầu thiết kế trong khảo sát xây dựng thực hiện các quy định tại Điều 15 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm của nhà thầu thiết kế trong thiết kế xây dựng công trình thực hiện các quy định tại Điều 19 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

3. Trách nhiệm giám sát tác giả của nhà thầu thiết kế xây dựng công trình thực hiện các quy định tại Điều 28 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

Điều 15. Trách nhiệm của nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình

1. Trách nhiệm của nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình thực hiện các quy định tại Điều 27 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

2. Chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về chất lượng công trình xây dựng tương ứng với phần công việc do mình thực hiện, kể cả sau thời gian bảo hành.

Điều 16. Trách nhiệm của nhà thầu thi công xây dựng

1. Trách nhiệm của nhà thầu thi công xây dựng công trình thực hiện các quy định tại Điều 25 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

2. Quản lý công tác an toàn trong thi công xây dựng theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

3. Thực hiện bảo hành công trình xây dựng theo quy định tại Điều 20, Điều 21 của Quy định này.

Điều 17. Trách nhiệm của nhà thầu chế tạo, sản xuất, cung cấp vật liệu, sản phẩm, thiết bị, cấu kiện sử dụng cho công trình xây dựng

1. Trách nhiệm của nhà thầu chế tạo, sản xuất, cung cấp vật liệu, sản phẩm, thiết bị, cấu kiện sử dụng cho công trình xây dựng thực hiện các quy định tại Điều 26 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

2. Thực hiện trách nhiệm bảo hành đối với sản phẩm do mình cung cấp cho công trình theo quy định tại Điều 20, Điều 21 Quy định này.

Điều 18. Trách nhiệm của nhà thầu kiểm định chất lượng công trình xây dựng

1. Tổ chức kiểm định chất lượng công trình xây dựng phải có đủ điều kiện năng lực phù hợp với loại, cấp công trình theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 03/2011/ TT-BXD ngày 06/4/2011 của Bộ Xây dựng hướng dẫn hoạt động kiểm định, giám định và chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng.

2. Thực hiện kiểm định chất lượng bộ phận công trình, hạng mục công trình và toàn bộ công trình xây dựng khi có nghi ngờ về chất lượng theo yêu cầu của chủ đầu tư hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng (theo quy định tại Khoản 8 Điều 24 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP); thực hiện kiểm định theo chỉ định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tổ chức giám định nguyên nhân sự cố (theo quy định tại Khoản 3 Điều 39 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP).

3. Việc kiểm định chất lượng, thí nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

4. Lập đề cương kiểm định trình tổ chức, cá nhân có yêu cầu kiểm định xem xét chấp thuận và tổ chức thực hiện kiểm định theo đúng đề cương đã được chấp thuận; Lập báo cáo đánh giá, kết luận nội dung yêu cầu kiểm định gửi cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu kiểm định.

5. Chịu trách nhiệm trước tổ chức, cá nhân yêu cầu kiểm định và trước pháp luật theo quy định.

Điều 19. Trách nhiệm của Cơ sở quản lý Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1. Tổ chức và hoạt động của phòng thí nghiệm thực hiện theo quy định tại Quyết định số 11/2008/QĐ-BXD ngày 01/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chế công nhận và quản lý hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (sau đây viết tắt là Quyết định số 11/2008/QĐ-BXD). Cơ sở quản lý phòng thí nghiệm phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tổ chức và quản lý hoạt động của phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được công nhận.

2. Khi được Quyết định công nhận phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, cơ sở quản lý phòng thí nghiệm phải gửi thông báo bằng văn bản cho Sở Xây dựng kèm bản sao quyết định công nhận, danh mục các phép thử kèm theo quyết định.

3. Thực hiện theo Hợp đồng xây dựng các thí nghiệm kiểm tra vật liệu, cấu kiện, vật tư, thiết bị công trình, thiết bị công nghệ trước khi xây dựng hoặc lắp đặt vào công trình xây dựng theo tiêu chuẩn và yêu cầu của thiết kế, đảm bảo tính khách quan và tính chính xác của các phép thử theo tiêu chuẩn đã đăng ký.

4. Chịu sự thanh tra, kiểm tra của Sở Xây dựng theo quy định tại Điều 24 của Quyết định số 11/2008/QĐ-BXD.

Chương V

QUY ĐỊNH MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ BẢO HÀNH, SỰ CỐ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 20. Bảo hành công trình xây dựng

1. Chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng công trình và nhà thầu cung ứng thiết bị công trình có trách nhiệm bảo hành công trình thực hiện theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

2. Nếu các nhà thầu nêu trên không tiến hành bảo hành thì chủ đầu tư có quyền sử dụng tiền bảo hành để thuê tổ chức, cá nhân khác thực hiện việc bảo hành, kinh phí thuê được trừ vào tiền bảo hành công trình xây dựng.

Điều 21. Trách nhiệm của các bên về bảo hành công trình xây dựng

1. Chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

2. Nhà thầu thi công xây dựng công trình, nhà thầu cung ứng thiết bị công trình, nhà thầu khảo sát xây dựng, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình và các nhà thầu liên quan có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 35 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

Điều 22. Phân loại, phân cấp sự cố trong thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình xây dựng

1. Phân loại, phân cấp sự cố trong thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình xây dựng theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

2. Cấp sự cố được chia thành bốn cấp theo mức độ thiệt hại về người và vật chất, bao gồm: cấp đặc biệt nghiêm trọng, cấp I, cấp II và cấp III. Phân cấp sự cố thực hiện theo quy định tại Điều 31 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

Điều 23. Báo cáo sự cố

1. Báo cáo sự cố thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

2. Đối với sự cố mất an toàn trong thi công xây dựng và sự cố cháy, nổ xảy ra trong thi công xây dựng và khai thác sử dụng công trình xây dựng, chủ đầu tư và các nhà thầu, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng phải thực hiện báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về lao động, pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

Điều 24. Giải quyết sự cố

1. Giải quyết sự cố thực hiện theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

UBND cấp huyện chỉ đạo, hỗ trợ các bên có liên quan tổ chức lực lượng tìm kiếm cứu nạn, bảo vệ hiện trường sự cố và thực hiện các công việc cần thiết khác trong quá trình giải quyết sự cố. Trong trường hợp xảy ra sự cố đặc biệt nghiêm trọng gây thiệt hại lớn về người và vật chất, UBND cấp huyện báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo, giải quyết.

Điều 25. Tổ chức giám định nguyên nhân sự cố

1. Thẩm quyền tổ chức giám định nguyên nhân sự cố:

UBND tỉnh giao Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và UBND cấp huyện tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với sự cố cấp II, cấp III như sau:

a) Sở Xây dựng tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình thuộc chuyên ngành do Sở Xây dựng quản lý theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Quy định này;

b) Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Điều 3 Quy định này;

c) Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng quản lý đô thị giúp UBND cấp huyện tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình nhà ở riêng lẻ theo quy định tại Khoản 6 Điều 3 Quy định này. Trường hợp cần thiết, UBND cấp huyện có thể đề nghị Sở Xây dựng phối hợp thực hiện trong việc tổ chức giám định;

d) Trong trường hợp cần thiết, các cơ quan chủ trì tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đề xuất UBND tỉnh đề nghị Bộ Xây dựng hoặc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành phối hợp hoặc tổ chức thực hiện giám định nguyên nhân sự cố.

2. Nội dung thực hiện giám định nguyên nhân sự cố thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 39 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

Điều 26. Hồ sơ sự cố

1. Chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng có trách nhiệm lập hồ sơ sự cố. Riêng sự cố nhà ở riêng lẻ của dân, UBND cấp xã lập hồ sơ sự cố.

2. Nội dung hồ sơ sự cố thực hiện theo các quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 40 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Xử lý chuyển tiếp

1. Về phân cấp công trình xây dựng để phục vụ công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng:

a) Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình được quyết định đầu tư trước ngày Thông tư số 10/2013/TT-BXD có hiệu lực thi hành, thì cấp công trình thuộc dự án được xác định theo Quyết định đầu tư;

b) Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình được quyết định đầu tư sau ngày Thông tư số 10/2013/TT-BXD có hiệu lực thi hành, thì cấp công trình thuộc dự án được xác định theo quy định của Thông tư này.

2. Về chứng nhận đủ điều kiện an toàn chịu lực, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng:

a) Các công trình, hạng mục công trình đã có hợp đồng và thực hiện chứng nhận đủ điều kiện an toàn chịu lực hoặc chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng trước ngày 15/4/2013 nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận thì chủ đầu tư và tổ chức chứng nhận tiếp tục thực hiện cho đến khi hoàn thành công trình, hạng mục công trình. Cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng căn cứ kết quả kiểm tra công trình tại hiện trường, kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận để kết luận kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư trước khi đưa công trình vào sử dụng;

b) Các quy định liên quan đến chứng nhận an toàn chịu lực tại Điều 43 Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở và Điểm a Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 16/2010/TT-BXD của Bộ Xây dựng quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm

2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở được bãi bỏ kể từ ngày Nghị định 15/2013/NĐ-CP có hiệu thực thi hành.

3. Về kiểm tra công tác nghiệm thu đối với các công trình thuộc đối tượng phải được kiểm tra trước khi đưa vào sử dụng theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 10/2013/TT-BXD:

a) Đối với công trình được nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng trước ngày Nghị định 15/2013/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, việc nghiệm thu công trình được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng và Thông tư số 27/2009/TT-BXD ngày 31/7/2009 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về Quản lý chất lượng công trình xây dựng;

b) Đối với công trình được nghiệm thu hoàn thành sau ngày 15/4/2013, việc nghiệm thu công trình phải thực hiện theo quy định của Nghị định 15/2013/NĐ-CP.

Điều 28. Xử lý vi phạm

1. Mọi hành vi vi phạm về quản lý chất lượng công trình xây dựng, tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp vi phạm các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sẽ phải bồi thường thiệt hại.

2. Sở Xây dựng, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, UBND cấp huyện, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi và Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất theo dõi, kiểm tra sự tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng của các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng trên địa bàn; xác định các tổ chức, cá nhân nhiều lần vi phạm gây ảnh hưởng đến chất lượng công trình để đề nghị cấp có thẩm quyền công bố tên và hành vi vi phạm của các tổ chức, cá nhân này trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng.

Điều 29. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương; Trưởng Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi và Trưởng ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất; Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã có trách nhiệm củng cố tổ chức, phân công trách nhiệm cho các đơn vị trực thuộc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng của Nhà nước, UBND tỉnh và nội dung cụ thể tại Quy định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, trường hợp cơ quan nhà nước cấp trên ban hành các văn bản có quy định khác nội dung Quy định này thì thực hiện theo văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên ban hành. Trường

hợp có khó khăn, vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh thông qua Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo với UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH

Lê Quang Thích

PHỤ LỤC 1

(kèm theo Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng, ban hành theo Quyết định số ...../2014/QĐ-UBND ngày / /2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU CHUYỂN GIAI ĐOẠN THI CÔNG XÂY DỰNG

Công trình:.....
Thuộc dự án đầu tư nhóm:.....
Hạng mục công trình:.....
Địa điểm xây dựng:.....
Thời gian kiểm tra

Bắt đầu h 00 , ngày tháng năm 201...
Kết thúc h 00 , ngày tháng năm 201...

Các bên tham gia kiểm tra:

- Đại diện Chủ đầu tư công trình: *tên của cơ quan, đơn vị*
  + Ghi rõ họ và tên , chức vụ từng người tham gia
- Đại diện Nhà thầu giám sát thi công xây dựng: *tên của nhà thầu*
  + Ghi rõ họ và tên , chức vụ từng người tham gia
- Đại diện nhà thầu thi công xây dựng: *tên của nhà thầu*
  + Ghi rõ họ và tên , chức vụ từng người tham gia
- Đại diện cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu (1)
  + Ghi rõ họ và tên , chức vụ từng người tham gia

Đã tiến hành những việc sau :

- Kiểm tra danh mục hồ sơ nghiệm thu giai đoạn xây dựng (2) ..... đã lập giữa Chủ đầu tư và các nhà thầu thi công xây dựng;
- Kiểm tra tính pháp lý và chất lượng của hồ sơ nghiệm thu giai đoạn xây dựng hoàn thành .....,
- Kiểm tra thực tế việc thi công trên công trình.

Sau khi kiểm tra, xem xét và trao đổi, các bên tham gia thống nhất kết luận:

1. Nhận xét về hiện trạng chất lượng công trình/hạng mục công trình.

2. Nhận xét về sự tuân thủ các quy định của pháp luật thông qua kiểm tra hồ sơ nghiệm thu chuyển giai đoạn thi công theo quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản 3 Điều 24 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

3. Kết luận:

Đồng ý/Không đồng ý cho chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu chuyển giai đoạn thi công.

4. Các ý kiến khác nếu có:

- Nếu hồ sơ nghiệm thu chưa đủ thì yêu cầu chủ đầu tư bổ sung để hoàn chỉnh nghiệm thu (nêu cụ thể về hồ sơ pháp lý và tài liệu quản lý chất lượng)

Ghi chú :

(1) Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình chuyên ngành, Ban Quản lý các khu công nghiệp hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Phòng Quản lý đô thị cấp huyện kiểm tra công tác nghiệm thu:

(2) Danh mục hồ sơ, tài liệu thiết lập giai đoạn xây dựng, hoàn thành hạng mục công trình, hoàn thành công trình được lập theo phụ lục 5 của Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

- Chủ đầu tư gửi Biên bản này cùng với Báo cáo hoàn thành đưa công trình xây dựng vào sử dụng cho cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng (quy định tại Khoản 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7 Điều 3 Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng ban hành theo Quyết định số .../2014/QĐ-UBND ngày .../.../2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi).

Đại diện Chủ đầu tư *(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*	**Đại diện Nhà thầu giám sát thi công xây dựng** *(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*
Đại diện **Nhà thầu thi công xây dựng** *(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*	**Đại diện Sở .....** **(hoặc Phòng KT-HT, Phòng QLĐT...)** *(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

PHỤ LỤC 2

(kèm theo Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng, ban hành theo Quyết định số ...../2014/QĐ-UBND ngày / /2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

..... *(1)*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	....., *ngày..... tháng..... năm.....*

KẾT QUẢ KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU ĐƯA CÔNG TRÌNH VÀO SỬ DỤNG

Kính gửi : .....*(tên chủ đầu tư)*.....

- Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;
- Căn cứ báo cáo hoàn thành thi công xây dựng công trình/hạng mục công trình tại văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... ;
- Căn cứ biên bản kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng tại hiện trường (2) ngày ... tháng ... năm ...;

... (1) ... thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng như sau:

Sau khi kiểm tra, ... (1) ..... thông báo kết quả kiểm tra công trình/hạng mục công trình ..... *(tên công trình/hạng mục công trình)*..... hoàn thành trước khi đưa vào sử dụng như sau:

1. Nhận xét về hiện trạng chất lượng công trình/hạng mục công trình.
2. Nhận xét về sự tuân thủ các quy định của pháp luật thông qua kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình theo quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản 3 Điều 24 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.
3. Kết luận:

Đồng ý/Không đồng ý cho chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.

4. Các ý kiến khác nếu có:

Nơi nhận:	..... (1) .....
- Như trên; - Lưu:...	*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)*

(1) Cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư được quy định tại Điều 25 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

(2) Đại diện các bên tham gia kiểm tra bao gồm: cơ quan chuyên môn về xây dựng, chủ đầu tư và các nhà thầu xây dựng công trình có liên quan ký tên trong biên bản kiểm tra.

PHỤ LỤC 3

(kèm theo Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng, ban hành theo Quyết định số ...../2014/QĐ-UBND ngày / /2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

... (Tên chủ đầu tư)....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số : .../.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO

Về việc khởi công công trình xây dựng

Kính gửi: .....(1).....

I. THÔNG TIN VỀ CHỦ ĐẦU TƯ:

1. Tên của Chủ đầu tư:
2. Địa chỉ liên hệ:
3. Số điện thoại liên lạc:
4. Địa chỉ email:

II. THÔNG TIN VỀ CÔNG TRÌNH:

1. Tên công trình:
2. Địa điểm xây dựng:
3. Quy mô công trình:
4. Tiến độ thi công dự kiến: *(đính kèm bảng tiến độ thi công chi tiết):*

Nơi nhận	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA CHỦ ĐẦU TƯ THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT**
-Như trên; -Lưu VT.	*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)*

(1) Cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư được quy định tại Điều 25 Thông tư số 10/2013/TT-BXD và Điều 4 Quy định này.

PHỤ LỤC 4

(kèm theo Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng, ban hành theo Quyết định số ...../2014/QĐ-UBND ngày .../ /2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

UBND phường (xã, thị trấn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày.... tháng... năm 201...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KHỞI CÔNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
(Định kỳ 6 tháng/lần, vào ngày 15/6 và 15/11 hàng năm)

Kính gửi: Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Phòng Quản lý đô thị (huyện, thành phố)

Thực hiện quy định tại Khoản 5 Điều 11 Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng ban hành theo Quyết định số ..../2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Ngãi, UBND phường (xã, thị trấn) .....báo cáo tình hình khởi công công trình xây dựng trên địa bàn trong 6 tháng như sau:

TT	Tên công trình/Địa điểm xây dựng	Dự án thuộc nhóm/Tổng mức đầu tư	Tên Chủ đầu tư/Địa chỉ và điện thoại liên hệ/Cấp Quyết định đầu tư	Cấp công trình/Diện tích XD/ Tổng diện tích sàn/ Số tầng	Giấy phép xây dựng số	Tên nhà thầu khảo sát địa chất công trình	Tên nhà thầu tư vấn thiết kế	Tên nhà thầu TVGS	Tên nhà thầu thi công XD	Ngày/tháng/năm khởi công/ Dự kiến thời gian hoàn thành
1										
...										

(Ký tên , đóng dấu)